

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2023

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tùng;

2. Ông Đỗ Hải Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh H H sinh năm 1988.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã T P, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đ T G sinh năm 1993.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã T P, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh H H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đ T G tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2011 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương nhưng đến ngày 25/11/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T P, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị G thường xuyên chửi bới anh một cách vợ có và kéo anh lên xã để ly hôn. Nhưng vì con còn nhỏ nên anh không đồng ý. Năm 2019 anh đã tát chị G 01 cái do chị G lấy bông tai ngoáy tai con làm chảy máu vì anh bảo chị không được ngoáy như vậy nhưng chị G không nghe, sau đó tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Năm 2021 anh đi làm thuê, thỉnh thoảng về nhà nhưng vợ chồng không ăn và không ngủ

cùng nhau. Quá trình chung sống đến nay vợ chồng anh xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, không thể khắc phục và hàn gắn được. Năm 2021, khi anh đi làm thuê thì chị G lại gọi điện cho anh về để ly hôn nhưng do phải đi làm để kiếm tiền trả nợ nên anh không về thì chị G lại thường xuyên đánh con, chửi bới hàng xóm. Khi anh đi làm xa muốn gọi điện qua chị G để nói chuyện với con thì chị G không cho con nghe điện thoại của anh. Anh đi làm hàng tháng gửi tiền về cho vợ để nuôi con nhưng do vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn rất lớn và từ năm 2023 chị G nói không cần tiền của anh nữa và do bức tức nên anh không còn gửi tiền cho chị G nữa. Tháng 6/2023 (âm lịch) khi các con nghỉ hè, chị G đưa các cháu xuống nhà bố mẹ đẻ chị ở B Y. Tại đó ngày 02/6/2023 (âm lịch), chị G và bố đẻ xảy ra xích mích dẫn đến chị G và bố đánh nhau nên chị G đã đưa con về S C thuê nhà đến 10/6/2023 (âm lịch) về nhà. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng và kéo dài không thể khắc phục được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ T G.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh và chị G có với nhau 03 người con chung là các cháu H Q N sinh ngày 14/11/2011, cháu H Q T sinh ngày 24/7/2019 và cháu H K V sinh ngày 05/11/2020 cả 03 cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường, ban đầu nguyện vọng của anh H khi ly hôn là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giải dục cả 03 cháu N, cháu T và cháu V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án chị G cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung nên anh H đồng ý để chị G được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H Q T, anh trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H Q N và H K V không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G nhất trí với anh H về thời gian chung sống, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì chị cho rằng giữa chị và anh H đã xảy ra mâu thuẫn từ rất nhiều những chuyện nhỏ nhặt và từ rất lâu rồi, hai vợ chồng không hòa hợp với nhau, khi chị nấu cơm xong thì anh H không ăn cơm cùng chị, chị nghi ngờ anh H có người phụ nữ khác, anh H không quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau đã hơn 01 năm. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị mong muốn anh H suy nghĩ kỹ lại để vợ chồng đoàn tụ, chị không đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị và anh H có 03 con chung họ tên, ngày tháng năm sinh như anh H trình bày là đúng, trường hợp phải ly hôn ban đầu chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H K V, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu H Q N và H Q T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tại phiên hòa giải nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu H Q N, H Q T và cháu H K V, chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi hai cháu T và cháu V mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một tháng đến khi hai cháu T và cháu V đủ 18 tuổi. Sau khi Tòa án Tổng đạt quyết định đưa vụ án

ra xét xử và Giấy triệu tập cho chị G đến tham gia phiên tòa, chị G nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong nội dung đơn chị trình bày riêng về nguyện vọng của anh H được trực tiếp nuôi cháu H K V thì phải để lại cho chị quyền sử dụng toàn bộ đồi cây quế mà vợ chồng anh chị đã trồng tại thôn S 1, xã L S, huyện B Y, tỉnh Lào Cai đến nay đã cho thu hoạch.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh H H, xử cho anh H H được ly hôn với chị Đ T G.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao 02 cháu H Q N và cháu H K V cho anh H H, giao cháu H Q T cho chị Đ T G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu N, cháu T và cháu V đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh H kiện ly hôn chị G, chị G đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S C, xã T P, huyện S do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho các đương sự đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã có bản tự khai và biên bản lấy lời khai. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H và chị G có Đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/11/2011 tại UBND xã T P, huyện S; vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc anh H kiện ly hôn chị G, Tòa án xét thấy: Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng của vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn, năm 2014 thì đã có những mâu thuẫn nhưng vì con còn nhỏ nên anh H đã bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống. Năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng mà nguyên nhân là do chị G hay chửi bới anh H một cách vô cớ, ngoài ra chị G còn nghi ngờ ghen tuông anh H dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, lạnh nhạt và đã sống ly thân đến nay đã hơn 01 năm không quan tâm đến nhau, chị G thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ rất nhiều những việc nhỏ nhặt và từ rất lâu rồi, hai vợ chồng không hòa hợp nhau, chị nấu cơm xong thì anh H không ăn, anh H không quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị thật sự không còn, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn ý nghĩa nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh H được ly hôn chị Đ T G.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Anh H và chị G đều thừa nhận có 03 con chung là các cháu H Q N sinh ngày 14/11/2011, cháu H Q T sinh ngày 24/7/2019 và cháu H K V sinh ngày 05/11/2020 cả ba cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, khi anh H đi làm thuê ba cháu trực tiếp ở cùng chị G, ban đầu nguyện vọng của anh H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con chung khi ly hôn không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án chị G cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 03 con chung nên anh H đồng ý để chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu H Q T, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H Q N và cháu H K V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xác minh tại địa phương cho thấy cả anh H và chị G đều là lao động chính, khỏe mạnh, tu trí làm ăn và đều quan tâm, yêu thương, chăm sóc các con, cả anh H và chị G đều có thể trực tiếp nuôi dưỡng các con khi ly hôn. Anh H hiện nay đi làm thuê còn chị G ở nhà làm công việc tự do tại địa phương như nội trợ, trông trẻ và sửa chữa xe máy những công việc đơn giản như thay săm lốp, thay nhông xích xe có thu nhập theo xác minh của Ủy ban nhân dân xã mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị G được khoảng 2.500.000 đồng. Còn anh H đi làm thuê cho Công ty Đ B, Bộ Quốc Phòng tại phường C, thành phố C P, tỉnh Quảng Ninh thu nhập được trên dưới 18.000.000 đồng/ tháng tùy thuộc vào ngày công lao động. Về việc nuôi con đối với cháu H K V ban đầu thì chị G trình bày trường hợp vợ chồng ly hôn thì

chị đồng ý để anh H nuôi 01 con chung là cháu H K V, tại biên bản hòa giải chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu V mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/ 1 tháng đến khi hai cháu T và cháu V đủ 18 tuổi; đến trước ngày mở phiên tòa chị G nộp đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị G trình bày là có nguyện vọng được nuôi con; về việc nuôi cháu H K V chị G đưa ra yêu cầu anh H phải để lại cho chị quyền sử dụng toàn bộ đôi cây quế tại thôn S, xã L S, huyện B Y, tỉnh Lào Cai mà quá trình chung sống vợ chồng chị đã trồng nay đã cho thu hoạch thì chị đồng ý để anh H nuôi cháu V, cùng ngày chị G nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H nộp cho Tòa án biên bản tự thỏa thuận giữa anh H và chị G về việc vợ chồng thỏa thuận để chị G được toàn quyền sử dụng đôi cây quế tại thôn S, xã L S, huyện B Y, tỉnh Lào Cai, như vậy điều kiện thỏa thuận về việc nuôi cháu V sinh ngày 05/11/2020 hai bên đã thực hiện được. Xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con, cháu N có nguyện vọng được trực tiếp ở với bố, cả anh H và chị G đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, giữa anh H và chị G đã thỏa thuận để lại toàn quyền sử dụng đôi cây quế cho chị G được quyền sử dụng. Vì những căn cứ trên nên xử giao hai cháu H Q N và cháu H K V cho anh H H, giao cháu H Q T cho chị Đ T G được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Anh H hiện nay đi làm công nhân tại thành phố C P, tỉnh Quảng Ninh thu nhập trên dưới 18.000.000 đồng /tháng tùy thuộc vào ngày công lao động, chị G ở nhà làm nội trợ, trồng trọt và sửa chữa xe máy những công việc đơn giản như thay săm lốp, thay nhông xích xe có thu nhập bình quân hàng tháng được khoảng 2.500.000 đồng. Mặc dù chị G có thu nhập thấp nhưng việc chỉ trực tiếp nuôi 01 con chung, anh H có thu nhập cao hơn nhưng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nên Hội đồng xét xử không buộc bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn vẫn đảm bảo cho sự phát triển của các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật. Sau này anh H hoặc chị G nuôi con gặp khó khăn có thể đề nghị Tòa án yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Anh H H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh H H được ly hôn với chị Đ T G.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Giao hai cháu H Q N sinh ngày 14/11/2011 và cháu H K V sinh ngày 05/11/2020 cho anh H H, giao cháu H Q T sinh ngày 24/7/2019 cho chị Đ T G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục cho đến khi các cháu N, cháu T và cháu V đủ 18 tuổi. Anh H H và chị Đ T G không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Anh H H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002264 ngày 08/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh H H đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã T P, h. S;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

